WIKIPEDIA

Bislama

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

Bislama là một ngôn ngữ creole, đây là một trong các ngôn ngữ chính thức của Vanuatu. Bislama là ngôn ngữ thứ nhất của nhiều "ni-Vanuatu đô thị" (sống tại Port Vila và Luganville), và là ngôn ngữ thứ hai của phần dân số còn lại của nước này. "Yumi, Yumi, Yumi",quốc ca Vanuatu, được hát bằng tiếng Bislama.

Trên 95% từ trong tiếng Bislama có nguồn gốc từ tiếng Anh; phần còn lại bao gồm vài chục từ mượn của tiếng Pháp, cũng như từ các ngôn ngữ khác nhau ở Vanuatu, chủ yếu là tên gọi thực vật và động vật.[1]. Bislama về cơ bản có thể coi là một ngôn ngữ với từ vựng tiếng Anh và ngữ pháp châu Đại Dương.[2]

Bislama	
Khu vực	Vanuatu
Tổng số người nói	6,200 (ngôn ngữ thứ nhất), 200,000 (ngôn ngữ bổ trợ)
Phân loại	Ngôn ngữ creole ▪ Creole tiếng Anh ▪ Thái Bình Dương ▪ **Bislama**
Hệ chữ viết	Latinh
Địa vị chính thức	
Ngôn ngữ chính thức tại	Vanuatu
Mã ngôn ngữ	
ISO 639-1	bi
ISO 639-2	bis
ISO 639-3	bis (http://www.sil.org/iso639-3/documentation.asp?id=bis)
Linguasphere	52-ABB-ce

Mục lục

Lịch sử

Trong thời kỳ được gọi là Blackbirding, vào thập niên 1870 và thập niên 1880, hàng trăm ngàn dân các hòn đảo Thái Bình Dương (nhiều người trong số họ từ New Hebrides (nay là quần đảo) Vanuatu) đã bắt làm nô lệ và bị buộc phải làm việc trên các đồn điền, chủ yếu ở Queensland, Australia và Fiji.[3] Với tình trạng nhiều ngôn ngữ được nói ở các đồn điền, một ngôn ngữ bồi được hình thành, theo đó kết hợp từ vựng tiếng Anh với các cấu trúc ngữ pháp đặc trưng của ngôn ngữ trong khu vực. Các đồn điền không chỉ tạo ra một ngôn ngữ bồi là Bislama, mà còn có tiếng Tok Pisin của Papua New Guinea và Pijin của quần đảo Solomon.

Ngôn ngữ bồi này bắt đầu được phổ biến ra quần đảo Vanuatu vào thế kỷ 20, khi những người sống sót sau thời kỳ Blackbirding bắt đầu quay trở lại hòn đảo quê hương của mình: kiến thức về ngôn ngữ bồi này sẽ tạo điều kiện để họ giao tiếp không chỉ với thương nhân và những người định cư châu Âu, mà

còn giữa các nhóm dân bản địa của các đảo trong quần đảo. Đây là cách Bislama được tạo, dần dần phát triển một cách riêng biệt với những tiếng bồi khác ở Thái Bình Dương.

Vì Vanuatu là một trong những quốc gia có tỷ lệ ngôn ngữ trên dân số cao nhất thế giới (113 ngôn ngữ trên một diện tích chỉ 12.200 km²), tiếng Bislama tỏ ra hữu ích để trở thành một ngôn ngữ chung để giao tiếp giữa ni-Vanuatu (người sống tại đô thị), cũng như với cả người nước ngoài. Bên cạnh Bislama, hầu hết các ni-Vanuatu cũng biết ngôn ngữ bản địa của họ, ngôn ngữ bản địa của cha và/hoặc mẹ, và người hôn phối của họ. Ngôn ngữ chính thức để giảng dạy là tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.

Hơn một thế kỷ qua, Bislama đã phát triển một cách tự do cae trong văn nói và văn viết. Chỉ gần đây (1995, với ấn bản thứ hai năm 2004) mới có từ điển đầu tiên của tiếng Bislama[4] được xuất bản, và điều này đã giúp tạo ra chính tả thống nhất cho tiếng Bislama.

Tên gọi

Tên gọi Bislama (lúc trước đọc là "Bichelamar") xuất phát từ thế kỷ 19 với từ cổ "Beach-la-Mar" (tiếng Pháp hiện đại là "bêche de mer" Hải sâm), và từ đó trong tiếng Pháp lại bắt nguồn từ tiếng Bồ Đào Nha "bicho do mar".[5] Giữa thế kỷ 19, hải sâm được thu lượm và sấy khô, và những người lao động làm việc đó đã sử dụng từ này để đặt tên cho ngôn ngữ giao tiếp giữa họ.

Từ vựng

So sánh với tiếng Anh: **no**: not

> *hem i no kakae yam* = he doesn't eat (a, the) yam

nomo: no/any more (placed before the predicate)

> *hem i nomo kakae yam* = he doesn't eat (a, the) yam any more

nomo: only / doesn't but

> *hem i kakae yam nomo* = he only eats yam

neva: never

> *hem i neva kakae yam* = he never eats yam

jes: shows an action that has just occurred

> *mifala i jes wekap* = we just woke up

stat: start, commencement of a process

> *hem i stat kukum kumala* = he/she has started to cook sweet potatoes

stap: ongoing or habitual action

> *hem i stap kukum kumala* = he/she is now cooking sweet potatoes / he/she usually makes sweet potatoes

gogo: continual action

hem i kukum kumala gogo = he/she keeps on cooking sweet potatoes / he/she continually cooks sweet potatoes

bin: (been) - completed action

hem i bin go long Kanal = he has gone to Luganville (principal city in Santo)

finis: finished, past tense (when before object)

hem i finis kakae = he is finished eating

finis: already (when after object)

hem i kakae finis = he has already eaten

mas: must

hem i mas kakae = he must eat

traem: try

hem i traem singsing = he tries to sing

wantem: want

hem i wantem go long Kanal = he wants to go to Luganville

save: can, know; from French *savoir*

mi save toktok langwis bislama = I can speak Bislama

sapos: (suppose) if

sapos yumitufala i faenem pig, yumitufala i kilim hem i ded = if we find a pig, we'll kill it

So sánh với các ngôn ngữ bồi khác

Tiếng Anh	Bislama	Pijin	Tok Pisin	Tiếng Creole Eo biển Torres
and	mo	an	na	ane, 'ne, an, a
the / this	__ ia / ya	__ ia	dispela __	(the) dha - dhemtu - dhem / (this) dhis __ (ia) / (that) dhis __ dhe, dhas __ (dhe)
he / she / it / him / her	hem	hem	em / en	em
for	from	fo	long	po
(adjective marker)	-fala	-fala	-pela	-Ø (-wan when not before the noun - em i big man *he's a big man* - man i bigwan *the man's big*)
woman	woman	woman / mere	meri	uman / oman (dialect difference)

Yumi, Yumi, Yumi (Quốc ca)

Bài chi tiết: Yumi, Yumi, Yumi

tiếng Bislama	Dịch sang tiếng Anh
CHORUS: Yumi, Yumi, yumi i glad long talem se Yumi, yumi, yumi ol man blong Vanuatu	CHORUS: We (, We, We) are happy to proclaim We (, We, We) are the People of Vanuatu!
God i givim ples ya long yumi, Yumi glat tumas long hem, Yumi strong mo yumi fri long hem, Yumi brata evriwan!	God has given us this land; This gives us great cause for rejoicing. We are strong, we are free in this land; We are all brothers.
CHORUS	CHORUS
Plante fasin blong bifo i stap, Plante fasin blong tedei, Be yumi i olsem wan nomo, Hemia fasin blong yumi!	We have many traditions And we are finding new ways. Now we shall be one Person, We shall be united for ever.
CHORUS	CHORUS
Yumi save plante wok i stap, Long ol aelan blong yumi, God i helpem yumi evriwan, Hem i papa blong yumi,	We know there is much work to be done On all our islands. God helps all of us, He is our father,
CHORUS	CHORUS

Đọc thêm

- Camden, Pastor Bill. 1979. Parallels in structure of lexicon and syntax between New Hebrides Bislama and the South Santo language as spoken at Tangoa. Pacific Linguistics, A-57:51-117.
- Charpentier, Jean-Michel 1979. *Le pidgin bislama(n) et le multilinguisme aux Nouvelles-Hébrides*. Langues et Civilisations à Tradition Orale 35. Paris: SELAF.
- Crowley, Terry. 1990. *Beach-la-Mar to Bislama: The emergence of a national language in Vanuatu*. Oxford Studies in Language Contact. Oxford: Clarendon Press. xxi + 422pp.
- Crowley, Terry. 1995. *An illustrated Bislama-English and English-Bislama dictionary*. Vila: Pacific Languages Unit and Vanuatu Extension Centre, University of the South Pacific. (Revised 2004.) vii + 478pp. * Builds on the work of Camden (1977) and other sources to provide a very comprehensive modern dictionary of modern Bislama, together with a comprehensive English index.
- Crowley, Terry. 2004. *Bislama Reference Grammar*. Oceanic Linguistics Special Publication No. 31. Honolulu: University of Hawai'i Press.
- Darrell T. Tryon and Jean-Michel Charpentier. 2004. *Pacific Pidgins and Creoles: Origins, Growth and Development*. Berlin and New York: Mouton de Gruyter, 2004. xix + 559 pp. Hardcover ISBN 3-11-016998-3.

Tham khảo

1. ^ Charpentier, Jean-Michel 1979. *Le pidgin bislama(n) et le multilinguisme aux Nouvelles-Hébrides*. Langues et Civilisations à Tradition Orale 35. Paris: SELAF.

2. ^ Camden, Pastor Bill. 1979. Parallels in structure of lexicon and syntax between New Hebrides Bislama and the South Santo language as spoken at Tangoa. Pacific Linguistics, A-57:51-117.
3. ^ Emma Christopher, Cassandra Pybus and Marcus Buford Rediker (2007). *Many Middle Passages: Forced Migration and the Making of the Modern World*, University of California Press, pp 188-190. ISBN 0-520-25206-3.
4. ^ Crowley, Terry. 1995. *An illustrated Bislama-English and English-Bislama dictionary*. Vila: Pacific Languages Unit and Vanuatu Extension Centre, University of the South Pacific. (Revised 2004.) vii + 478pp.
5. ^ "bêche-de-mer (http://www.bartleby.com/61/53/B0145350.html)", American Heritage Dictionary, 2000

Liên kết ngoài



Có sẵn phiên bản Tiếng Bislama của Wikipedia, bách khoa toàn thư mở

- Bislama Translator & Spelling Dictionary for Microsoft Word (http://www.swtech.com.au/bislama/index.html) English - Bislama online translator and MS Word dictionary
- Bislama (https://dmoztools.net/Science/Social_Sciences/Linguistics/Languages/Natural/Pidgins_and_Creoles/English_Based/Bislama) trên DMOZ
- Vanuatu Daily Post (http://www.dailypost.vu/) - news in English and Bislama
- A bibliography of Bislama (http://coombs.anu.edu.au/SpecialProj/VAN/bislama.html), from an Australian National University website
- Peace Corp Bislama tutorial (http://www.peacecorps.vu/bislama.html)
- Portions of the Book of Common Prayer in Bislama (http://justus.anglican.org/resources/bcp/Melanesia/bislama_intro.html) *Preabuk long Bislama*

Lấy từ “https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Bislama&oldid=62893245”

Trang này được sửa đổi lần cuối vào ngày 4 tháng 7 năm 2020 lúc 20:34.

Văn bản được phát hành theo Giấy phép Creative Commons Ghi công–Chia sẻ tương tự; có thể áp dụng điều khoản bổ sung. Với việc sử dụng trang web này, bạn chấp nhận Điều khoản Sử dụng và Quy định quyền riêng tư. Wikipedia® là thương hiệu đã đăng ký của Wikimedia Foundation, Inc., một tổ chức phi lợi nhuận.